



THÔNG BÁO
KẾT QUẢ ĐƯỢC XÉT NÂNG BẬC LƯƠNG CHO CBVC, HĐLĐ TRONG NĂM 2021

Ngày 18 tháng 11 năm 2021 Hội đồng lương Nhà trường đã tiến hành họp xét nâng bậc thường xuyên, nâng bậc lương trước thời hạn do lập thành tích xuất sắc, nâng thêm mức phụ cấp thâm niên vượt khung cho CBVC, HĐLĐ năm 2021 kết quả như sau:

TT	Họ và tên	Thời điểm giữ bậc lương	Hệ số lương hiện giữ	TNVK (hiện giữ)	Thời điểm nâng bậc lương	Hệ số lương khi được nâng bậc	TNVK	Số giờ định mức thừa (+)/thiếu (-) và kết quả công việc trong năm			Số lượng tuyển sinh			Xếp loại năm 2018- 2019	Xếp loại năm 2019- 2020	Xếp loại năm 2020- 2021	Ghi chú
								2018-2019	2019-2020	2020-2021	2019	2020	2021				
											CĐ TC	CĐ TC	CĐ LT				

I. CBVC, HĐLĐ NÂNG BẬC LƯƠNG THƯỜNG XUYỀN																	
1	Nông Văn Ứt	12/2018	6,04		12/2021	6,38		Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; ('-12)	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; ('+60)	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; (Đủ)	1;0 (1sv)	1;1 (1,5sv)	2;0 (2sv)				Xét lần 1 đủ điều kiện
2	Dương Anh Đức	11/2018	4,65		11/2021	4,98		Hoàn thành tốt nhiệm vụ ('+22,1)	Hoàn thành tốt nhiệm vụ ('-20,9)	Hoàn thành tốt nhiệm vụ ('-15)	0;0 (0sv)	2;0 (2sv)	6;0 (6sv)				Xét lần 1 đủ điều kiện
3	Nguyễn Mạnh Cường	1/2018	3,66		1/2021	3,99		Hoàn thành tốt nhiệm vụ ('-12,0)	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; ('+42,0)	Hoàn thành tốt nhiệm vụ ('+2)	1;0 (1sv)	1;1 (1,5sv)	4;2 (5sv)	B		2B	Xét lần 1 đủ điều kiện
4	Mai Thanh Tùng	8/2018	3,99		8/2021	4,32		Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; ('-4)	Hoàn thành tốt nhiệm vụ (đủ)	Hoàn thành tốt nhiệm vụ (đủ)	1;0 (1sv)	2;0 (2sv)	5;2 (6sv)				Xét lần 1 đủ điều kiện

5	Vũ Mộng Linh	11/2018	3,33		11/2021	3,66		Hoàn thành tốt nhiệm vụ	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ	4;0 (4sv)	9;1 (9,5sv)	12;0 (12sv)				Xét lần 1 đủ điều kiện
6	Nông Văn Đạt	4/2019	1,86		4/2021	2,06		Hoàn thành tốt nhiệm vụ	Hoàn thành tốt nhiệm vụ	Hoàn thành tốt nhiệm vụ	1;0 (1sv)	1;1 (1,5sv)	2;0 (2sv)				Xét lần 1 đủ điều kiện
7	Nguyễn Xuân Vinh	7/2018	3,66		7/2018	3,99		+128,75	+101,35	+31,5	1;0 (1sv)	2;2 (3sv)	5;0 (5sv)	B			Xét lần 1 đủ điều kiện
8	Nguyễn Thị Tâm	4/2018	3,33		10/2021	3,66		-224,40	-401,00	-374,00	0;0	0;0	3;0 (3sv)				Xét lần 3: Thiếu giờ, chưa đủ chỉ tiêu tuyển sinh. Chậm thời gian lên lương 6 tháng
9	Vũ Minh Nguyệt	7/2019	3,06		7/2021	3,26		Hoàn thành tốt nhiệm vụ	Hoàn thành tốt nhiệm vụ	Hoàn thành tốt nhiệm vụ	0;1 (0,5sv)	0;2 (1sv)	3;3 (4,5sv)				Xét lần 1 đủ điều kiện
10	Đặng Thị Duyên	4/2019	3,46		4/2021	3,66		Hoàn thành tốt nhiệm vụ	Hoàn thành tốt nhiệm vụ	Hoàn thành tốt nhiệm vụ							Xét lần 1 đủ điều kiện
11	Hoàng Thị Thúy Dương	2/2019	2,44		2/2021	2,62		Hoàn thành tốt nhiệm vụ	Hoàn thành tốt nhiệm vụ	Hoàn thành tốt nhiệm vụ	1;0 (1sv)	2;0 (2sv)	1;0 (1sv)				Xét lần 1 đủ điều kiện
12	Phùng Thị Hải Yến	3/2018	5,42		3/2021	5,76		+34,45	+26,45	+50,15		7;0 (7sv)	15;19 (23sv)				Xét lần 1 đủ điều kiện
13	Quyển Thị Dung	7/2018	3,33		7/2021	3,66		+5,72	+26,70	+11,70	1;0 (1sv)	9;14 (16sv)	9;14 (16sv)				Xét lần 1 đủ điều kiện
14	Nguyễn Thị Hương	7/2018	3,00		10/2021	3,33		Đủ	-59,10	-30,76	0;1 (0,5sv)	0;1 (0,5sv)	2;2 (3sv)				Xét lần 2: Chưa đủ chỉ tiêu tuyển sinh. Chậm thời gian lên lương 3 tháng
15	Trần Quang Hanh	9/2018	4,65		9/2021	4,98		Hoàn thành tốt nhiệm vụ	Hoàn thành tốt nhiệm vụ	Hoàn thành tốt nhiệm vụ	1;0 (1sv)	1;1 (1,5sv)	4;1 (4,5sv)	3 B	2 B		Xét lần 1 đủ điều kiện
16	Hoàng Văn Huynh	5/2018	3,66		8/2021	3,99		Hoàn thành tốt nhiệm vụ	Hoàn thành tốt nhiệm vụ	Hoàn thành tốt nhiệm vụ	0;0	0;1 (0,5sv)	1;1 (1,5sv)	2 B	B		Xét lần 2: Chưa đủ chỉ tiêu tuyển sinh. Chậm thời gian lên lương 3 tháng
17	Đổng Quang Tân	4/2018	3,66		7/2021	3,99		Hoàn thành tốt nhiệm vụ	Hoàn thành tốt nhiệm vụ	Hoàn thành tốt nhiệm vụ	0;0	1;0 (1sv)	0;0	D; B	B	B	Xét lần 2: Chưa đủ chỉ tiêu tuyển sinh. Chậm thời gian lên lương 3 tháng
18	Nguyễn Thành Đồng	1/2018	4,65		1/2021	4,98		+372,0	+110,0	+325,0	2;2 (3sv)	4;2 (5sv)	9;0 (9sv)	B		B	Xét lần 1 đủ điều kiện
19	Nguyễn Thị Lệ Hằng	4/2018	3,66		4/2021	3,99		+142,30	+150,0	+84,70	2;1 (2,5sv)	3;4 (5sv)	4;1 (4,5sv)	2 B			Xét lần 1 đủ điều kiện
20	Nguyễn Thị Loan	3/2018	5,42		3/2021	5,76		+307,1	+307,30	+322,40	3;0 (3sv)	4;0 (4sv)	11;0 (11sv)				Xét lần 1 đủ điều kiện

21	Võ Việt Cường	12/2018	3,66		12/2021	3,99		+409,89	+226,70	+291,25	0;0	3;0 (3sv)	6;0 (6sv)	B		B	Xét lần 1 đủ điều kiện
22	Nguyễn Thị Lạp	12/2018	3,66		12/2021	3,99		+295,03	+146,0	+306,70	1;0 (1sv)	1;0 (1sv)	6;0 (6sv)			B	Xét lần 1 đủ điều kiện
23	Ngô Quang Hùng	1/2018	3,00		4/2021	3,33		-79,90	-50,00	+38,70	0;0	2;0	1;0	B	6B; C	7B; C	Xét lần 2: Chưa đủ chỉ tiêu tuyển sinh. Chậm thời gian lên lương 3 tháng
24	Bùi Thị Hương	1/2018	3,00		1/2021	3,33		+193,91	+126,46	+429,56	0;0	3;0 (3sv)	6;0 (6sv)				Xét lần 1 đủ điều kiện
25	Hoàng Thị Lý	11/2018	3,99		11/2021	4,32		+298,98	+341,55	+355,00	0;0	1;2 (3sv)	5;5 (7,5sv)	B	B		Xét lần 1 đủ điều kiện
26	Nguyễn Thị Hạnh	7/2018	3,66		7/2021	3,99		+435,10	+187,20	+591,90	2;0 (2sv)	12;2 (13sv)	8;0 (8sv)				Xét lần 1 đủ điều kiện
27	Đỗ Cao Chinh	7/2018	3,33		7/2021	3,66		+350,10	+274,70	Đi công tác nước ngoài	2;1 (2,5sv)	0;2 (1sv)	Đi công tác nước ngoài 2;3 (3,5sv)				Xét lần 1 đủ điều kiện
28	La Ngọc Tùng	12/2018	3,33														Không xét, quá hạn NCS
29	Lê Thị Phương	1/2018	3,66		1/2021	3,99		-42,30	-70,40	+2,95	0;1 (0,5sv)	2;1 (2,5sv)	7;0 (7sv)	B		2B	Xét lần 1 đủ điều kiện
30	Trương Thu Hương	2/2018	3,33		2/2021	3,66		-9,90	-115,80	-6,40	0;0	2;0 (2sv)	4;0 (4sv)		B	B	Xét lần 2: Chưa đủ chỉ tiêu tuyển sinh. Chậm thời gian lên lương 3 tháng
31	Nguyễn T Quỳnh Hương	1/2018	3,33		1/2021	3,66		-44,70	-160,80	-196,50	1;0 (1sv)	1;0 (1sv)	3;2 (4sv)				Xét lần 3: Thiếu giờ, chưa đủ chỉ tiêu tuyển sinh. Chậm thời gian lên lương 6 tháng
32	Lê Thị Bích Ngọc	11/2018	3,66		11/2021	3,99		-52,30	-98,10	-96,90	0;0	2;0 (2sv)	6;2 (7sv)				Xét lần 1 đủ điều kiện
33	Vũ Bạch Diệp	7/2018	3,33		7/2021	3,66		+5,40	-7,25	+79,25	0;0	3;0 (3sv)	7;0 (7sv)			2B	Xét lần 1 đủ điều kiện
34	Lê Thị Minh Nguyệt	9/2018	3,66		9/2021	3,99		+300,00	+300,00	+798,80	1;0 (1sv)	3;0 (3sv)	4;0 (4sv)		B	2B	Xét lần 1 đủ điều kiện
35	Nguyễn Thị Thu Hoài	11/2018	3,99		2/2022	4,32		+5,65	+104,76	+218,50	0;0	0;0	3;0 (3sv)	2B	B	B	Xét lần 2: Chưa đủ chỉ tiêu tuyển sinh. Chậm thời gian lên lương 3 tháng
36	Trần Anh Trang	4/2018	3,66		4/2021	3,99		+88,55	-96,05	+383,70	1;0 (1sv)	3;0 (3sv)	6;0 (6sv)				Xét lần 1 đủ điều kiện
37	Trần T Tuyết Lan	11/2018	3,99		11/2021	4,32		+300,00	+300,00	+903,20	1;0 (1sv)	3;1 (3,5sv)	5;0 (5sv)				Xét lần 1 đủ điều kiện

38	Lý Thị Thu Hương	12/2018	2,67		12/2021	3,00										HD mới T3/2021
39	Đặng Văn Nghiệm	7/2017	3,33		1/2021	3,66										Đã xét năm 2020
40	Ma Thị Thủy Vân	04/2018	4,40		04/2021	4,74	Đủ	-119,50	+16,60	0;0	5;2 (6sv)	4;6 (7sv)				Xét lần 1 đủ điều kiện. Lên lương đúng hạn; (Bằng khen liên đoàn lao động tỉnh Thái Nguyên, lên lương trước 6 tháng: Trường hợp này đã quá thời gian lên lương trước thời hạn)
41	Đinh Ngọc Bách	8/2018	3,33		11/2021	3,66	-55,00	-109,30	-39,30	0;0	1;0 (1sv)	3;3 (4,5sv)	2C	B		Xét lần 2: Chưa đủ chỉ tiêu tuyển sinh. Chậm thời gian lên lương 3 tháng
42	Trương Thị Tính	1/2018	3,33		4/2021	3,66	+200,00	+52,40	-84,50	0;0	0;1 (0,5sv)	2;3 (3,5sv)		B		Xét lần 2: Chưa đủ chỉ tiêu tuyển sinh. Chậm thời gian lên lương 3 tháng
43	Vũ Thị Ánh Huyền	6/2018	3,33		6/2021	3,66	+200,00	+118,20	-28,60	0;1 (0,5sv)	2;11 (7,5sv)	6;0 (6sv)				Xét lần 1 đủ điều kiện
II CBVC, HCLĐ ĐƯỢC NÂNG BẬC LƯƠNG TRƯỚC THỜI HẠN DO LẬP THÀNH TÍCH XUẤT SẮC TRONG THỰC HIỆN NHIỆM VỤ																
1	Võ Thị Ngọc	03/2019	5,42		03/2021	5,76	+300	+300,10	+612,60	3;0 (3sv)	3;1 (3,5sv)	6;0 (6sv)				Bằng khen BGD&ĐT T11/2020 (lên lương trước hạn 1 năm)
2	Phạm Đình Tiếp	01/2019	3,66		01/2021	3,99	+271,60	+390,50	+455,0	2;0 (2sv)	2;1 (2,5sv)	5;0 (5sv)		B		Bằng khen Thủ tướng CP 2019 (lên lương trước hạn 1 năm)
3	Trần Quang Thuận	09/2019	3,66		09/2021	3,99	+129	-19,50	+750,30	2;1 (2,5sv)	3;1 (3,5sv)	5;0 (5sv)				Bằng khen BGD&ĐT T11/2021 (lên lương trước hạn 1 năm)
4	Hoàng Thị Bích Huệ	4/2019	3,33		10/2021	3,66	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ	Hoàn thành tốt nhiệm vụ	Hoàn thành tốt nhiệm vụ	1;0 (1sv)	1;0 (1sv)	4;0 (4sv)				Giấy khen ĐHTN T9/2019 (lên lương trước hạn 6 tháng)
5	Đỗ Thị Hương	01/2020	2,66		07/2021	2,86	Hoàn thành tốt nhiệm vụ	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ	Hoàn thành tốt nhiệm vụ	0;1 (0,5sv)	1;2 (2sv)	3;2 (4sv)				Giấy khen ĐHTN T9/2020 (lên lương trước hạn 6 tháng)
6	Nguyễn Thị Thu Trang	10/2018	3,33		4/2021	3,66	Hoàn thành tốt nhiệm vụ	Hoàn thành tốt nhiệm vụ	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ	1;0 (1sv)	3;2 (4sv)	3;2 (4sv)				Giấy khen ĐHTN T9/2021 (lên lương trước hạn 6 tháng)
7	Nguyễn Lệ Thanh	03/2019	3,66		09/2021	3,99	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ	Hoàn thành tốt nhiệm vụ	Hoàn thành tốt nhiệm vụ	1;0 (1sv)	0;4 (2sv)	4;0 (4sv)				Giấy khen ĐHTN T9/2019; Bằng khen liên đoàn lao động tỉnh Thái Nguyên (lên lương trước hạn 6 tháng)

8	Trần Anh Sơn	01/2019	3,33		07/2021	3,66		Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; (-4)	Hoàn thành tốt nhiệm vụ (-28)	Hoàn thành nhiệm vụ; (-16)	1;0 (1sv)	0;1 (0,5)	5;0 (5sv)				Giấy khen ĐHTN T9/2019 (lên lương trước hạn 6 tháng)
---	--------------	---------	------	--	---------	------	--	------------------------------------	-------------------------------	----------------------------	-----------	-----------	-----------	--	--	--	--

III CBVC, HỖ TRỢ ĐƯỢC TÍNH THÊM PHỤ CẤP THÂM NIÊN VƯỢT KHUNG

1	Lương Thị Mai	9/2020	2,98	18%	9/2021	2,98	19%	Hoàn thành tốt nhiệm vụ	Hoàn thành tốt nhiệm vụ	Hoàn thành tốt nhiệm vụ	0;0	2;0 (2sv)	3;1 (3,5sv)				Xét lần 1 đủ điều kiện
2	Phạm Hữu Huân	12/2020	3,48	14%	12/2021	3,48	15%	Hoàn thành tốt nhiệm vụ	Hoàn thành tốt nhiệm vụ	Hoàn thành tốt nhiệm vụ	1;0 (1sv)	2;0 (2sv)	1;0 (1sv)		B		Xét lần 1 đủ điều kiện
3	Nguyễn Tiến Thịnh	3/2020	3,48	13%	3/2021	3,48	14%	Hoàn thành tốt nhiệm vụ	Hoàn thành tốt nhiệm vụ	Hoàn thành tốt nhiệm vụ	1;0 (1sv)	0;2 (1sv)	1;0 (1sv)				Xét lần 1 đủ điều kiện
4	Nguyễn Văn Hạnh	12/2020	4,98	9%	12/2021	4,98	10%	-2,7	+13,6	+13,1	0;1 (0,5sv)	1;2 (2sv)	1;0 (1sv)	2B; 2C	B		Xét lần 1 đủ điều kiện
5	Nguyễn Thị Sao	12/2020	4,98	8%	12/2021	4,98	9%	+200,0	-11,70	-97,20	0;1 (0,5sv)	0;2 (1sv)	2;2 (3sv)	3B; D	2B	B	Xét lần 1 đủ điều kiện
6	Nguyễn Thị Nga	5/2020	4,06	7%	5/2021	4,06	8%	Hoàn thành tốt nhiệm vụ	Hoàn thành tốt nhiệm vụ	Hoàn thành tốt nhiệm vụ	0;2 (1sv)	1;0 (1sv)	1;1 (1,5sv)				Xét lần 1 đủ điều kiện
7	Phan Thanh Chương	12/2018	4,98		12/2021	4,98	5%	+39,8	+118,5	+104,60	1;0 (1sv)	1;1 (1,5sv)	3;1 (3,5sv)	B	B		Xét lần 1 đủ điều kiện
8	Nguyễn Mạnh Hà	10/2018	4,98		10/2021	4,98	5%	+200	+150	+54,4	2;1 (2,5sv)	0;3 (1,5sv)	6;1 (6,5sv)	2B			Xét lần 1 đủ điều kiện
9	Nguyễn Thị Hoài Thu	10/2019	3,48		10/2021	3,48	5%	Hoàn thành tốt nhiệm vụ	Hoàn thành tốt nhiệm vụ	Hoàn thành tốt nhiệm vụ	1;0 (1sv)	2;1 (2,5sv)	4;0 (4sv)				Xét lần 1 đủ điều kiện

An Định danh sách: 59 người

Ghi chú:

- Chỉ tiêu tuyển sinh năm 2019: Đối với Nhà giáo: 03 chỉ tiêu CĐ (sau quy đổi); Đối với cán bộ văn phòng: 01 chỉ tiêu CĐ (sau quy đổi)
- Chỉ tiêu tuyển sinh năm 2020: Đối với Nhà giáo: 03 chỉ tiêu CĐ (sau quy đổi); Đối với cán bộ văn phòng: 02 chỉ tiêu CĐ (sau quy đổi)
- Chỉ tiêu tuyển sinh năm 2021: Đối với Nhà giáo: 03 chỉ tiêu CĐ (sau quy đổi); Đối với cán bộ văn phòng: 02 chỉ tiêu CĐ (sau quy đổi)

Trong () là số lượng SV đã được quy đổi

+ **Những trường hợp đủ điều kiện xét lần 1:** - Chỉ tiêu tuyển sinh của Nhà giáo là: 9/9 SV; Chỉ tiêu của cán bộ Văn phòng là: 5/5 SV

'- Hoàn thành nhiệm vụ: Đối với Nhà giáo đạt 100% khối lượng giảng dạy; Cán bộ Văn phòng hoàn thành nhiệm vụ

+ Những trường hợp xét lần 2
chậm lương 3 tháng:

- Chỉ tiêu tuyển sinh của Nhà giáo là: 7/9 SV; Chỉ tiêu của Văn phòng là: 4/5 SV

'- Hoàn thành nhiệm vụ: Đối với Nhà giáo đạt 80% khối lượng giảng dạy; Cán bộ Văn phòng hoàn thành nhiệm vụ

+ Những trường hợp xét lần 3: - Chậm lương 6 tháng là trường hợp đã xét lần 1 và lần 2 không đủ điều kiện

+ Những trường hợp lên lương trước thời hạn: - Hoàn thành nhiệm vụ trở lên đối với cán bộ Văn phòng; Đối với Nhà giáo đạt 100% khối lượng giảng dạy

'- Đạt Giấy khen, Bằng khen trở lên (khen Chính quyền)

'- Chỉ tiêu tuyển sinh đạt bình quân 150% trở lên